

CHUYỂN GIAO NGHĨA VỤ TRONG PHÁP LUẬT THỰC ĐỊNH VIỆT NAM

*Đỗ Văn Đại**

1. Khái niệm: Theo Bộ luật Dân sự 2005 (BLDS), “nghĩa vụ dân sự là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể (sau đây gọi chung là bên có nghĩa vụ) phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc khác hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác (sau đây gọi chung là bên có quyền)”. Thông thường bên tham gia giao kết hợp đồng là bên có nghĩa vụ thực hiện. Trong thực tế, người có nghĩa vụ có thể không phải là người trực tiếp tham gia giao kết, xác lập hợp đồng. Trường hợp chuyển giao nghĩa vụ là một ví dụ.

Cụ thể, theo Điều 315 BLDS (tức Điều 321 BLDS năm 1995), “bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý”. Ví dụ, chị Diệp chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nam với giá 41 triệu đồng. Anh Nam đã giao khoản tiền này cho chị Diệp nhưng sau đó hai bên thống nhất hủy hợp đồng. Chị Diệp chưa hoàn trả lại anh Nam khoản tiền đã nhận và anh Nam còn giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị Diệp sau đó lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho chị Cúc. Các bên thống nhất là chị Cúc giao khoản tiền này cho anh Nam. Chị Cúc và Diệp ký văn tự sang nhượng tại UBND phường và anh Nam ký giấy nhận 41 triệu từ chị Cúc. Theo Tòa án, đây là một trường hợp “chuyển giao nghĩa vụ”¹.

Bên cạnh chế định về chuyển giao nghĩa vụ, BLDS nước ta còn có chế định về “thực hiện nghĩa vụ dân sự thông qua người thứ ba” theo đó “khi được bên có quyền đồng ý,

bên có nghĩa vụ có thể ủy quyền cho người thứ ba thay mình thực hiện nghĩa vụ dân sự nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm với bên có quyền, nếu người thứ ba không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự” (Điều 293). Trong thực tế, ranh giới giữa hai chế định này rất khó phân định.

2. Ranh giới: Ví dụ liên quan đến tranh chấp giữa một công ty Việt Nam và một công ty Hồng Kông sau đây cho thấy điều này: Công ty Việt Nam bán cho Công ty Hồng Kông một số lượng gạo. Thực hiện hợp đồng, Công ty Hồng Kông chỉ định một công ty khác ở nước thứ ba (người mua lại lô gạo) mở LC tại ngân hàng ở nước thứ ba cho Công ty Việt Nam thụ hưởng. Giá trị gạo là 1.700.000 USD nhưng công ty thứ ba chỉ thanh toán 1.200.000 USD. Công ty Việt Nam yêu cầu người thứ ba thanh toán phần còn lại nhưng không được đáp ứng, do đó quay sang yêu cầu Công ty Hồng Kông thanh toán. Tuy nhiên theo Công ty Hồng Kông, việc Công ty Việt Nam chấp nhận mở LC theo yêu cầu của người mua lại gạo ngầm hiểu là đã chấp nhận việc chuyển nghĩa vụ trả tiền từ Công ty Hồng Kông sang bên thứ ba, do vậy Công ty Hồng Kông không còn nghĩa vụ trả tiền cho Công ty Việt Nam nữa. Quan điểm này không được trọng tài chấp nhận.

Theo trọng tài, “trong quan hệ hợp đồng mua bán, người mua có nghĩa vụ trả tiền hàng cho người bán. Người mua tự trả, hoặc chuyển nghĩa vụ trả tiền sang người thứ ba, hoặc có thể ủy quyền cho người thứ ba thay mình trả tiền. Hành vi cụ thể của Công ty Hồng Kông trong vụ tranh chấp này không được coi là chuyển nghĩa vụ trả tiền sang người thứ ba, bởi vì *thứ nhất*, chưa hề có một sự thỏa thuận thống nhất giữa ba bên: bị đơn (Công ty Hồng Kông) là người mua, nguyên

* Tiến sỹ Luật học, Giảng viên Trường đại học Paris 13 (CH Pháp).

¹ Bản án số 15/DSPT ngày 11/11/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

đơn (Công ty Việt Nam) là người bán, và người thứ ba là người mua lại về việc chuyển nghĩa vụ từ bị đơn sang người thứ ba. Sự ngầm hiểu mà bị đơn nêu trong văn thư của mình chỉ là sự diễn giải đơn phương, không có đủ bằng chứng và không thể chấp nhận được. Thứ hai, trước khi LC được mở, nguyên đơn không hề được thông báo về nghĩa vụ trả tiền hàng của bị đơn đã được chuyển sang bên thứ ba, vì vậy, hành vi trả tiền của bên thứ ba theo chỉ thị của bị đơn được coi là việc bị đơn ủy quyền cho người thứ ba thay mình thực hiện nghĩa vụ, từ đó bị đơn vẫn phải chịu trách nhiệm trước nguyên đơn về việc bên thứ ba không thực hiện đúng nghĩa vụ đó².

Ví dụ cho thấy ranh giới giữa ủy quyền cho người thứ ba thực hiện nghĩa vụ và chuyển giao nghĩa vụ là rất mỏng manh. Theo trọng tài “chưa hề có sự thỏa thuận thống nhất giữa ba bên”. Thiết nghĩ để có chuyển giao nghĩa vụ không nhất thiết ba bên phải cùng ngồi với nhau để thống nhất. Ở đây chỉ cần giữa người có nghĩa vụ ban đầu và người thứ ba thỏa thuận về chuyển giao nghĩa vụ. Sau đó, chỉ cần thỏa thuận này được gửi đến bên có quyền và bên có quyền đồng ý là chuyển giao nghĩa vụ tồn tại. Về thỏa thuận giữa người có nghĩa vụ ban đầu và người thứ ba, thiết nghĩ cần thận trọng trong việc soạn thảo để làm rõ sự khác nhau giữa ủy quyền thực hiện nghĩa vụ và chuyển giao nghĩa vụ. Chẳng hạn, các bên có thể nêu rõ việc chuyển giao nghĩa vụ bằng cách sử dụng thuật ngữ như “chuyển giao nghĩa vụ” hay “thay thế người thực hiện nghĩa vụ”.

3. Điều kiện: Theo Điều 315 BLDS 2005 (tức Điều 321 BLDS năm 1995), bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ dân sự cho người thế nghĩa vụ “nếu được bên có quyền đồng ý”. Ở đây cần có thỏa thuận giữa người có nghĩa vụ ban đầu và người thế nghĩa

vụ. Nhưng thỏa thuận đó không đủ mà cần có sự đồng ý của bên có quyền. Điều kiện này là cần thiết bởi lẽ con người của bên thế nghĩa vụ, tài sản và hoạt động của họ rất quan trọng để đảm bảo quyền lợi đối với bên có quyền. Bộ nguyên tắc Unidroit cũng quy định tương tự. Thật vậy, theo Điều 9.2.3, “việc chuyển giao nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa người có nghĩa vụ ban đầu và người có nghĩa vụ mới phải có sự đồng ý của người có quyền”.

Bộ nguyên tắc Unidroit yêu cầu phải có sự “đồng ý” của người có quyền như BLDS nước ta nhưng, khác với BLDS nước ta, Bộ nguyên tắc Unidroit có quy định về phương thức “đồng ý” của người có quyền. Cụ thể, theo Điều 9.2.4, khoản 1, “người có quyền có thể đồng ý trước về việc chuyển giao nghĩa vụ”. Ví dụ, chủ sở hữu sáng chế X ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với A. Trong thời hạn 10 năm, A phải trả tiền thù lao cho X. Vào thời điểm ký kết hợp đồng, A dự kiến là đến một thời điểm nhất định, tiền thù lao đó sẽ do công ty con của mình là B thanh toán. X có thể đồng ý trước trong hợp đồng là nghĩa vụ thanh toán tiền thù lao được chuyển từ A sang B.

Thiết nghĩ chúng ta cũng nên theo hướng giải quyết này. Giải pháp đó hoàn toàn phù hợp với tinh thần của BLDS sửa đổi theo đó cần dành cho các bên nhiều tự do.

Theo Điều 322 BLDS năm 1995, “việc chuyển giao nghĩa vụ phải được thể hiện bằng văn bản”. Quy phạm này đã được áp dụng trong vụ tranh chấp giữa chị Cúc và anh Nam. Cụ thể: Một thời gian sau khi giao kết, hợp đồng chuyển nhượng giữa chị Cúc và chị Diệp bị tuyên bố vô hiệu. Vấn đề đặt ra là chị Cúc có quyền yêu cầu anh Nam hoàn trả khoản tiền anh Nam đã nhận hay không? Theo Tòa án cấp phúc thẩm, chị Cúc được quyền yêu cầu anh Nam trả tiền vì đây là giao dịch chuyển giao nghĩa vụ trong khi đó giao dịch này không được lập thành văn bản do đó không có giá trị pháp lý.

Thực vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng “anh Nam kháng cáo không đồng ý trả 41 triệu đồng cho chị Cúc vì anh cho rằng

² Xem Hoàng Ngọc Thiết, *Tranh chấp từ hợp đồng xuất nhập khẩu-An lệ trọng tài và kinh nghiệm*, NXB Chính trị quốc gia, 2002, tr. 97 và 98.

đây là số tiền chị Cúc trả thay cho chị Diệp. Số tiền 41 triệu đồng mà anh Nam nhận từ chị Cúc là số tiền trả tiền đất mà chị Diệp đã nhận của anh Nam chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nam với chị Diệp nhưng không thành. Theo yêu cầu của chị Diệp thì chị Cúc đưa số tiền 41 triệu đồng cho anh Nam để chị Diệp chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Cúc. Từ yêu cầu này của chị Diệp thì chị Cúc đã giao 41 triệu đồng cho anh Nam để trả thay giấy nợ của chị Diệp nhận nợ của anh Nam. Nhưng ba bên đã không lập thành văn bản chuyển nhượng vụ theo điều 322 BLDS nên đã vi phạm về hình thức chuyển giao nghĩa vụ. Nên Tòa án sơ thẩm xử buộc anh Nam trả cho chị Cúc 41 triệu đồng và dành cho anh Nam một vụ kiện đòi nợ đối với chị Diệp, hơn nữa quá trình thu thập chứng cứ tại tòa án, anh Nam cũng đã thừa nhận Tòa mời anh không đến và án xét xử trước đây các đương sự không kháng cáo hoặc khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét, vì vậy cấp sơ thẩm xét xử lại buộc anh Nam trả cho chị Cúc 41 triệu đồng và dành cho anh đòi chị Diệp bằng vụ kiện khác là có cơ sở³.

Theo Tòa phúc thẩm “ba bên đã không lập thành văn bản chuyển nhượng vụ theo Điều 322 BLDS nên đã vi phạm về hình thức chuyển giao nghĩa vụ. Nên Tòa án sơ thẩm xử buộc anh Nam trả cho chị Cúc 41 triệu đồng”. Tòa án đã dựa vào chính quan hệ chuyển giao nghĩa vụ để cho phép người thế nghĩa vụ đối kháng với người có quyền. Theo Tòa án thì đây là việc “chuyển giao nghĩa vụ” nên phải “lập thành văn bản” và khi không lập thành văn bản thì việc chuyển giao này không có giá trị. Cách giải quyết này là không hợp lý. Bởi lẽ, việc các bên không làm văn bản không đương nhiên làm hợp đồng vô hiệu. Đáng ra cần buộc các bên thực hiện hình thức trong một thời gian nhất định, nếu các bên không tiến hành thì mới tuyên bố vô hiệu và quy trách nhiệm bồi

thường⁴. Ngày nay, việc chuyển giao nghĩa vụ không cần phải lập thành văn bản nữa nên trường hợp tương tự như trên không thể bị coi là vô hiệu. Bởi lẽ theo Điều 316, khoản 1 BLDS năm 2005, “việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự được thể hiện bằng văn bản hoặc bằng lời nói”.

4. Quan hệ với người có nghĩa vụ ban

đầu: Khi có chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ là người có nghĩa vụ đối với bên có quyền. Trong ví dụ trên thì chị Cúc là người có nghĩa vụ đối với anh Nam. Vấn đề còn lại là người có nghĩa vụ ban đầu (chị Diệp) có được giải phóng nghĩa vụ không? Câu trả lời là rất quan trọng nhất là khi người thế nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ. Thực tế cho thấy, các hệ thống luật tương đối khác nhau. Ở châu Âu, một số nước cho rằng người có nghĩa vụ ban đầu được giải phóng hoàn toàn nhưng một số nước lại quy định ngược lại⁵.

Theo Bộ nguyên tắc Unidroit (Điều 9.2.5), “người có quyền có thể giải phóng nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ ban đầu”. Như vậy, người có quyền có thể giải phóng hoàn toàn nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ ban đầu. “Người có quyền cũng có thể quyết định là người có nghĩa vụ ban đầu vẫn là người có nghĩa vụ trong trường hợp người có nghĩa vụ mới không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình”. Điều đó có nghĩa là người có quyền có thể có lựa chọn một khả năng khác,

⁴ Theo BLDS, “trong trường hợp pháp luật quy định hình thức giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch mà các bên không tuân theo thì theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quyết định buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn; quá thời hạn đó mà không thực hiện thì giao dịch vô hiệu”. Trong thực tế, Tòa án tối cao đã từng hủy quyết định của Tòa án địa phương khi Tòa án địa phương tuyên “ngay” hợp đồng vô hiệu mà không buộc các bên thực hiện những quy định về hình thức (về vấn đề này, chúng ta sẽ tìm hiểu cụ thể trong cuốn *Luật hợp đồng Việt Nam. Phân tích văn bản và 600 bản án*).

⁵ Xem G. Rouhette (chủ biên), *Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng*, Nxb. Société de législation comparée, 2003, tr. 490.

³ Bản án số 15/DSPT ngày 11/11/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

đó là chấp nhận việc chuyển giao nghĩa vụ của người có nghĩa vụ ban đầu cho người có nghĩa vụ mới, nhưng người có quyền bảo lưu quyền yêu cầu đối với người có nghĩa vụ ban đầu. Vẫn theo Bộ nguyên tắc Unidroit, “trong mọi trường hợp khác, người có nghĩa vụ ban đầu và người có nghĩa vụ mới phải liên đới chịu trách nhiệm”. Quy định tại điều này thể hiện rõ là giải pháp cuối cùng cũng là giải pháp được áp dụng trong trường hợp người có quyền không có quyết định nào. Nói cách khác, nếu người có quyền không nêu rõ ý định giải phóng nghĩa vụ cho người có nghĩa vụ ban đầu, cũng không quyết định là người có nghĩa vụ ban đầu vẫn còn trách nhiệm thực hiện, thì người có nghĩa vụ ban đầu và người có nghĩa vụ mới phải chịu trách nhiệm liên đới về việc thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, theo Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng thì dường như việc chuyển giao nghĩa vụ giải phóng người có nghĩa vụ ban đầu (Điều 12.101).

BLDS nước ta còn rất sơ sài về vấn đề này. Theo BLDS thì “trong trường hợp nghĩa vụ dân sự có biện pháp bảo đảm được chuyển giao thì biện pháp bảo đảm đó chấm dứt, nếu không có thỏa thuận khác”. Như vậy, việc chuyển giao nghĩa vụ giải phóng các biện pháp bảo đảm. Trong thực tế, có hai loại bảo đảm chủ yếu về thực hiện nghĩa vụ là bảo đảm do chính người có nghĩa vụ cung cấp như cầm cố, thế chấp tài sản của bên có nghĩa vụ hoặc do người thứ ba thực hiện như bảo lãnh. BLDS không phân biệt hai loại này nên việc giải phóng biện pháp bảo đảm áp dụng cho bất kỳ loại bảo đảm nào. Với quy định như vậy, pháp luật nước ta gắn gũi với pháp luật nhiều nước châu Âu. Tuy nhiên, BLDS chỉ giới hạn ở đó và không cho biết là người có nghĩa vụ ban đầu có được giải phóng hay không. Nếu chúng ta cho rằng người có nghĩa vụ ban đầu vẫn có trách nhiệm đối với người có quyền thì chúng ta không thấy sự khác nhau giữa chuyển giao nghĩa vụ được quy định tại Điều 315, 316 và 317 với Điều 293 BLDS về “thực hiện nghĩa vụ dân sự thông qua người thứ ba”, theo đó “khi được bên có quyền đồng ý, bên có

nghĩa vụ có thể uỷ quyền cho người thứ ba thay mình thực hiện nghĩa vụ dân sự nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm với bên có quyền, nếu người thứ ba không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự”. Do vậy, để chuyển giao nghĩa vụ là một chế định độc lập với chế định thực hiện thông qua người thứ ba chúng ta nên cho rằng việc chuyển giao nghĩa vụ giải phóng người có nghĩa vụ ban đầu trừ khi các bên có thỏa thuận khác. Trong ví dụ liên quan đến Công ty Việt Nam và Công ty Hồng Kông, trọng tài cũng theo hướng này. Bởi lẽ, để xác định rằng Công ty Hồng Kông vẫn còn nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty Việt Nam, Trọng tài đã cho rằng đây không phải là “chuyển giao nghĩa vụ” mà là thực hiện hợp đồng thông qua người thứ ba. Điều đó có nghĩa là Công ty Hồng Kông không còn nghĩa vụ thanh toán đối với Công ty Việt Nam nếu là một “chuyển giao nghĩa vụ”.

5. Quan hệ với người có nghĩa vụ mới:

Hệ quả đầu tiên của chuyển giao nghĩa vụ là người thế nghĩa vụ trở thành người có nghĩa vụ đối với bên có quyền. Do đó bên có quyền được phép yêu cầu người này thực hiện nghĩa vụ được chuyển giao. Ngoại trừ những bảo đảm như đề cập ở trên (phần số 4), nội dung của nghĩa vụ được chuyển giao không bị thay đổi. Chẳng hạn, nếu là chuyển nợ thì bên thế nghĩa vụ có trách nhiệm thanh toán cả nợ chính và lãi. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, mối quan hệ giữa người có quyền và người thế nghĩa vụ rất phức tạp trong khi đó BLDS không có quy định nào về vấn đề này.

Người thế nghĩa vụ có thể viện dẫn mối quan hệ của mình với người có nghĩa vụ ban đầu để đối kháng với người có quyền hay không? Ví dụ nêu trên là cơ hội tốt để chúng ta nghiên cứu vấn đề này. Việc quan hệ chuyển nhượng giữa chị Cúc và chị Diệp bị vô hiệu có cho phép chị Cúc viện dẫn để đối kháng với anh Nam hay không? Theo Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng thì người có nghĩa vụ mới không thể viện dẫn mối quan hệ của mình với người có nghĩa vụ ban đầu để đối kháng với người có quyền (Điều

12.102, khoản 1). Ở đây, quy phạm này bảo vệ bên có quyền và được áp dụng ngay cả khi bên có quyền biết rằng mối quan hệ giữa người thế nghĩa vụ và người có nghĩa vụ ban đầu có khả năng vô hiệu. Ví dụ được đưa ra minh họa cho quy phạm này rất gần gũi với ví dụ nêu trên của chúng ta. Cụ thể như sau: A bán cho C một tác phẩm nghệ thuật được các bên coi là tác phẩm nghệ thuật Trung Quốc thời trung cổ với giá là 20.000 euro và thỏa thuận rằng C thay thế A với tư cách là người có nghĩa vụ đối với Ngân hàng B. Sau khi nhận được thông báo của A, Ngân hàng B đồng ý việc thế nghĩa vụ này. Nhưng ít lâu sau, có chứng cứ rõ ràng A đã bán cho C tác phẩm nghệ thuật giả. Theo quy định trên thì sự việc này không làm ảnh hưởng đến việc chuyển giao nghĩa vụ.

Thiết nghĩ chúng ta cũng nên theo hướng này nhằm đảm bảo quyền lợi của người có quyền. Bởi lẽ, theo BLDS thì “trong trường hợp nghĩa vụ dân sự có biện pháp bảo đảm được chuyển giao thì biện pháp bảo đảm đó chấm dứt”. Chúng ta thấy, khi chuyển giao nghĩa vụ, về nguyên tắc chung, biện pháp bảo đảm nghĩa vụ chấm dứt. Do vậy, để bù trừ việc chấm dứt các biện pháp bảo đảm này, chúng ta không nên cho phép viện dẫn mối quan hệ giữa người có nghĩa vụ ban đầu và người có nghĩa vụ mới để cản trở tiến hành chuyển giao nghĩa vụ. Với hướng giải quyết đó, chúng ta có giải pháp đối với những trường hợp như ví dụ liên quan đến chị Cúc, chị Diệp và anh Nam như sau (trong trường hợp chính bản thân chuyển giao nghĩa vụ không bị vô hiệu): việc hợp đồng giữa chị Cúc và chị Diệp vô hiệu không được viện dẫn để cản trở việc chuyển giao nghĩa vụ. Lúc đó, anh Nam được giữ 41 triệu.

Như đã nói ở trên, nội dung của nghĩa vụ được chuyển giao không bị thay đổi mặc dù người thực hiện nghĩa vụ thay đổi. Do vậy, mặc dù BLDS không có quy định rõ ràng, chúng ta nên cho phép người có nghĩa vụ mới viện dẫn những đối kháng mà người có nghĩa vụ ban đầu có thể viện dẫn đối kháng với người có quyền. Ở đây, chuyển giao nghĩa vụ

thì chuyển giao cả những nghĩa vụ và quyền gắn liền với nghĩa vụ này. Chẳng hạn, nếu trước đây, người có nghĩa vụ ban đầu có quyền tạm đình chỉ hoặc từ chối thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền trên cơ sở áp dụng các biện pháp phòng vệ (ví dụ do người có quyền không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình) thì người có nghĩa vụ mới cũng có thể áp dụng các biện pháp phòng vệ đó đối với người có quyền.

Ví dụ, doanh nghiệp A nợ doanh nghiệp X 200 triệu tiền dịch vụ và phải trả số tiền này vào cuối năm. Được sự đồng ý của X, A chuyển giao khoản nợ này cho B. Các dịch vụ mà X cung cấp cho A rất kém chất lượng nên cho A được áp dụng biện pháp phòng vệ để từ chối thanh toán. Khi đến hạn thanh toán, B cũng có thể áp dụng đối kháng biện pháp phòng vệ đó đối với X. Giải pháp đó cũng được áp dụng đối với các biện pháp phòng vệ trong tố tụng. Ví dụ, các dữ kiện tương tự như trong ví dụ vừa rồi nhưng X khởi kiện B ra trước toà án nơi X có trụ sở. B có thể viện dẫn điều khoản trọng tài ghi trong hợp đồng giữa A và X. Đây là biện pháp đối kháng mà A có thể viện dẫn đối với X.

Tuy nhiên, cần phải nêu rằng quy định trên chỉ được áp dụng đối với những biện pháp đối kháng mà người có nghĩa vụ ban đầu có thể viện dẫn đối với người có quyền trước khi chuyển giao nghĩa vụ có hiệu lực. Chẳng hạn, sau khi chuyển giao nghĩa vụ, người có quyền vay bên có nghĩa vụ ban đầu một khoản tiền. Ở đây, món nợ này có thể bù trừ với món nợ của người có nghĩa vụ nếu không có sự chuyển giao. Nhưng vì việc bù trừ này chỉ tồn tại sau khi chuyển giao nghĩa vụ có hiệu lực nên người có nghĩa vụ mới không được viện dẫn để đối kháng.

Kết luận: Việc chuyển giao nghĩa vụ đã tồn tại trong thực tiễn Việt Nam. Tuy nhiên, những quy định về chế định này còn khá sơ sài và các nghiên cứu dường như chưa nhiều. Thiết nghĩ đây là quan hệ tay ba rất phức tạp. Do vậy, chúng ta cần có những giải pháp cụ thể rõ ràng. Trên đây là một số ý kiến nhằm hoàn thiện chế định “chuyển giao nghĩa vụ”.